

Thực trạng của việc xây dựng hồ sơ học tập đánh giá năng lực khoa học tự nhiên của học sinh trong môn Khoa học lớp 4

Lê Thị Phương Thảo*, Nguyễn Minh Giang**, Dương Trần Bình***

* Trường Tiểu học Huỳnh Mẫn Đạt, Quận 5, TP.HCM

**TS. Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM

*** TS. Trường tiểu học Lê Đức Thọ, Gò Vấp

Received: 05/6/2024; Accepted: 14/6/2024; Published: 26/6/2024

Abstract: Evaluation through portfolio in Science will help teachers see progress in the learning and training process of students. From there, teachers have a basic to evaluate the process and summatively evaluate students's natural science capacity. Besides, teaching and educational activities can be adjusted. This article surveys the current of making portfolio to assess students's natural science capacity in Fourth Grade Science.

Keywords: Portfolio, evaluation, natural science capacity, Fourth Grade Science

1. Đặt vấn đề

Trong dạy học môn Khoa học (2018), đánh giá năng lực khoa học tự nhiên được hình thành và phát triển trong quá trình dạy học là yêu cầu bắt buộc của chương trình thông qua đánh giá quá trình và đánh giá kết quả học tập. Đánh giá thông qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS có thể sử dụng trong môn Khoa học. Tuy nhiên, GV đang triển khai đánh giá như thế nào trong thực tế sẽ được phân tích rõ thông qua nghiên cứu “**Thực trạng của việc xây dựng hồ sơ học tập đánh giá năng lực khoa học tự nhiên trong môn Khoa học lớp Bốn**”. Kết quả của nghiên cứu này sẽ cung cấp cơ sở thực tiễn của việc xây dựng hồ sơ học tập đánh giá năng lực khoa học tự nhiên của HS trong môn Khoa học lớp Bốn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp khảo sát

Đối tượng khảo sát: GV đang giảng dạy từ lớp 1 đến lớp 5 ở các trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Hầu hết GV đều đã tìm hiểu chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Khoa học, phương pháp đánh giá HS theo định hướng phát triển năng lực thông qua chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho GV phổ thông cốt cán thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 hoặc hoàn thành các module trong chương trình bồi dưỡng GV phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nội dung khảo sát gồm: (1) Thực trạng việc đánh giá bằng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS trong môn Khoa học 4; (2) Thực trạng việc xây dựng hồ sơ học tập đánh giá năng lực khoa học tự nhiên trong môn Khoa học 4 thông qua phiếu khảo sát, từ tháng 12/2023 đến tháng 3/2024.

Công cụ xử lý số liệu: Các số liệu thu được từ quá trình khảo sát sẽ được xử lý bằng phần mềm Excel và SPSS và được quy ước như sau: Từ 1.0 đến 1.8: Không cần thiết/ Chưa từng; Từ 1.81 đến 2.6: Ít cần thiết/ Hiếm khi; Từ 2.61 đến 3.4: Cần thiết/ Đôi khi; Từ 3.41 đến 4.2: Khá cần thiết/ Thường xuyên; Từ 4.21 đến 5.0: Rất cần thiết/ Rất thường xuyên.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

2.2.1. Thực trạng việc đánh giá bằng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS trong môn Khoa học 4

Khi khảo sát GV về mức độ cần thiết của việc đánh giá bằng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS trong môn Khoa học 4, kết quả được thể hiện qua bảng 2.1 như sau:

Bảng 2.1. Kết quả khảo sát GV về mức độ cần thiết của việc đánh giá bằng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS trong môn Khoa học 4

Mức độ cần thiết	Tỉ lệ (%)					Điểm Trung bình (ĐTB)	Độ lệch chuẩn (ĐLC)
	Rất cần thiết	Khá cần thiết	Cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết		
Đánh giá bằng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS trong môn Khoa học 4	40.7	33.3	26	0	0	4.15	0.806

Hầu hết GV đều lựa chọn ở mức rất cần thiết đến cần thiết và không có GV chọn mức ít hoặc không cần thiết của việc đánh giá bằng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS trong môn Khoa học 4 với ĐTB là 4.15 và ĐLC là 0.806. Khi sử dụng phương pháp này, GV thấy được những lợi ích như theo dõi được cả quá trình phát triển của HS, kiểm tra được toàn diện tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề trong quá trình học tập của HS, có thêm thông tin để điều chỉnh hoạt động dạy học, thu thập được phản hồi của HS từ những lời tự đánh giá. Từ đó, GV xác định được năng lực của HS đạt được và đánh giá được hiệu quả các hoạt động dạy học. Đồng thời, khi nhìn vào hồ sơ học tập, HS có thể nhận thức, đánh giá được việc học của bản thân. Ngoài ra còn tạo động lực học tập, thúc đẩy sự chủ động, tích cực của HS, khuyến khích sự hợp tác giữa HS và GV. Thêm vào đó, hồ sơ học tập còn là minh chứng giúp cho GV có thể giải thích cho phụ huynh khi họ cần biết thông tin về quá trình học tập của HS.

Khi hỏi về tần suất GV đánh giá bằng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS trong môn Khoa học lớp 4, khảo sát thu được kết quả như bảng 2.2.

Bảng 2.2. Kết quả khảo sát GV về tần suất đánh giá bằng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS trong môn Khoa học 4

Tần suất	Tỉ lệ (%)					ĐTB	ĐLC
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Đôi khi	Hiếm khi	Chưa từng		
Đánh giá bằng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS trong môn Khoa học 4	11.9	57.8	24.4	1.5	4.4	3.71	0.863

Trên thực tế, kết quả khảo sát về tần suất GV đánh giá bằng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS trong môn Khoa học 4 cho thấy việc sử dụng phương pháp này chưa thực sự phổ biến do GV còn gặp khó khăn khi tiếp cận với ĐTB là 3.71 và ĐLC là 0.863. Nguyên nhân có thể do nhiều GV chưa tìm được các tài liệu, công trình nghiên cứu để tham khảo hay chưa được bồi dưỡng, tập huấn và phương pháp này chưa được sử dụng rộng rãi ở các trường tiểu học.

Tuy gặp những khó khăn khi tiếp cận nhưng GV vẫn chủ động tìm hiểu và sử dụng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS để đánh giá năng lực khoa học tự nhiên của HS. Một số sản phẩm GV sử dụng để đánh giá là phiếu học tập, phiếu bài tập, sản phẩm trong các dự án, thí nghiệm,... của HS, sơ đồ tư duy, bảng tổng kết nội dung bài học để đánh giá, bài thuyết trình của HS,

phiếu tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng hay hình ảnh là minh chứng cho việc HS tham gia các hoạt động học tập. Bên cạnh đó, một số GV còn sử dụng video quay lại hoạt động của HS, bản ghi âm. Điều này cho thấy GV sử dụng đa dạng các phương tiện, sản phẩm để đánh giá HS (bảng 2.3).

Bảng 2.3. Kết quả khảo sát GV về sản phẩm sử dụng để đánh giá HS trong môn Khoa học 4

Sản phẩm	Số lượng GV	Tỉ lệ (%)
Bài kiểm tra định kì	88	65.2
Sản phẩm trong các dự án, thí nghiệm,... của HS	103	76.3
Phiếu học tập, phiếu bài tập	111	82.2
Bài thuyết trình	72	53.3
Sơ đồ tư duy, bảng biểu tổng kết nội dung bài học	98	72.6
Nhật kí học tập	62	45.9
Phiếu tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng	70	51.9
Hình ảnh các hoạt động học tập trên lớp	57	42.2

Về công cụ đánh giá: GV sử dụng câu hỏi bằng hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận để đánh giá hiểu biết của HS, các bài tập đánh giá năng lực khoa học, bảng tiêu chí (rubric), bảng kiểm (Bảng 2.4). Theo ý kiến của GV, thang đo chưa thật sự phù hợp với môn Khoa học, vì nó chỉ thể hiện quan điểm “Hoàn toàn đồng ý/Đồng ý/Bình thường/Không đồng ý/Hoàn toàn không đồng ý”. Từ khảo sát cho thấy đa số GV lựa chọn những công cụ thường được sử dụng trong các tiết học và thể hiện rõ mức độ mà HS đạt được để đánh giá năng lực khoa học của HS.

Bảng 2.4. Kết quả khảo sát GV về công cụ sử dụng để đánh giá HS trong môn Khoa học 4

Công cụ	Số lượng GV	Tỉ lệ (%)
Câu hỏi	111	82.2
Bài tập	99	73.3
Thang đo	50	37
Bảng kiểm	78	57.8
Bảng tiêu chí (Rubric)	82	60.7

Khi khảo sát về các hoạt động dạy học mà GV có thể sử dụng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS của bài học ở môn Khoa học 4, kết quả được thể hiện ở bảng 2.5 như sau:

Bảng 2.5. Kết quả khảo sát GV về các hoạt động dạy học sử dụng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS của bài học ở môn Khoa học 4

Hoạt động	Số lượng GV	Tỉ lệ (%)
Khởi động	52	38.5

Khám phá/ hình thành tri thức mới	88	65.2
Luyện tập, thực hành	117	86.7
Vận dụng	101	74.8

Về hoạt động trong bài học được GV sử dụng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS nhiều nhất là Luyện tập, thực hành. Trong hoạt động này, HS đưa ra ý kiến hoặc làm sản phẩm,... Như vậy, GV có thể lưu lại sản phẩm hoặc đánh giá qua hoạt động học tập của HS.

Khi khảo sát về thành phần năng lực mà GV có thể sử dụng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS, kết quả được thể hiện trong bảng 2.6 như sau:

Bảng 2.6. Kết quả khảo sát GV về thành phần năng lực mà GV có thể sử dụng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS

Thành phần năng lực	Số lượng GV	Tỉ lệ (%)
Nhận thức khoa học tự nhiên	84	62.2
Tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh	100	74.1
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	114	84.4

Về thành phần năng lực: năng lực Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được GV lựa chọn nhiều nhất. Qua việc HS giải thích được một số sự vật, hiện tượng và mối quan hệ trong tự nhiên, giải quyết được một số vấn đề thực tiễn vận dụng kiến thức khoa học và kiến thức, kĩ năng đã học, đồng thời phân tích tình huống và đưa ra cách ứng xử phù hợp, GV có thể đánh giá được năng lực Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học của HS. Qua đó, GV có thể đánh giá được năng lực nhận thức khoa học tự nhiên của HS. Như vậy, GV có thể đánh giá ở cả ba thành phần năng lực của năng lực khoa học tự nhiên.

Về nguồn tài liệu tham khảo: GV tham khảo từ Internet là chủ yếu. Bên cạnh đó, các tài liệu chính thống như sách, báo, tài liệu tập huấn, sách giáo viên, sách giáo khoa, chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học là những nguồn tài liệu chính thống để GV có thể tham khảo.

2.2.2. Thực trạng việc xây dựng hồ sơ học tập đánh giá năng lực khoa học tự nhiên trong môn Khoa học lớp 4

Khi khảo sát GV về mức độ cần thiết của việc xây dựng hồ sơ học tập đánh giá năng lực khoa học tự nhiên trong môn Khoa học lớp 4, kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 2.7.

Bảng 2.7. Kết quả khảo sát GV về mức độ cần thiết của việc xây dựng hồ sơ học tập đánh giá năng lực khoa học tự nhiên trong môn Khoa học lớp 4

Mức độ cần thiết	Tỉ lệ lựa chọn (%)					ĐTB	ĐLC
	Rất cần thiết	Khá cần thiết	Cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết		

Xây dựng hồ sơ học tập đánh giá năng lực khoa học tự nhiên trong môn Khoa học lớp 4	31.1	44.4	24.5	0	0	4.07	0.745
-------------------------------------------------------------------------------------	------	------	------	---	---	------	-------

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết GV đều nhận thấy sự cần thiết của việc xây dựng hồ sơ học tập đánh giá năng lực khoa học tự nhiên trong môn Khoa học lớp Bốn với ĐTB là 4.07 và ĐLC là 0.745. Bên cạnh đó, nhiều GV còn gặp khó khăn khi xây dựng hồ sơ học tập đánh giá năng lực khoa học tự nhiên trong môn Khoa học lớp 4. Đó là GV chưa tìm được nhiều tài liệu, công trình nghiên cứu để tham khảo. Việc xây dựng hồ sơ học tập chưa được sử dụng rộng rãi ở các trường tiểu học. Như vậy, GV chưa có điều kiện trực tiếp để thiết kế, thực hiện. Ngoài ra, GV chưa được bồi dưỡng, tập huấn về phương pháp này nên họ chưa có nguồn tham khảo hay định hướng để xây dựng hồ sơ học tập. Thêm vào đó, khi xây dựng hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS sẽ cần nhiều thời gian để nghiên cứu, thiết kế, lưu giữ. Đồng thời GV chưa được tham gia xây dựng hồ sơ học tập nên chưa có điều kiện tiếp xúc cũng như kinh nghiệm để thiết kế hồ sơ học tập. Kết quả khảo sát cho thấy, GV cần điều kiện giúp họ có thể tiếp cận, hiểu rõ hơn về việc xây dựng hồ sơ học tập.

3. Kết luận

Bài viết đã thực hiện khảo sát thực trạng về việc đánh giá năng lực khoa học tự nhiên của HS bằng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS trong môn Khoa học 4 và thực trạng công tác đánh giá năng lực khoa học tự nhiên của HS lớp 4 của GV tại các trường tiểu học ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy, GV biết về phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS và những lợi ích khi sử dụng phương pháp này.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*. Hà Nội.
- Doãn Kiều My. (2022). *Xây dựng Rubric đánh giá năng lực khoa học cho học sinh lớp Hai trong môn Tự nhiên và Xã hội*. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đoàn Thị Ngân. (2021). *Đánh giá năng lực đặc thù môn Khoa học ở Tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ms. O. Jansen, Ms. N. Lasher, Ms. L. Lugo, Mrs. S. Colman & Mrs. S. Sica – Fosella. (2015). *Science Portfolio Handbook*. Orange Public School.